

Bản án số: 07 /2021/KDTM-PT

Ngày: 28 - 10- 2021

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng
và Hợp đồng thế chấp*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Hồng Thái
2. Bà Nguyễn Thúy Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Bà Đỗ Thị Kiều Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2021/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 9 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2021/KDTM-ST ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXPT-KDTM ngày 04/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2021/QĐPT-KDTM ngày 21/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N (Vietcombank); địa chỉ trụ sở: Số 198 Tr, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Quốc H6- Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Hạ Long (Theo Giấy ủy quyền số 01/VCB.HLO-UQ ngày 27/02/2020); vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông Phạm Anh T3 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng quản lý nợ Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Hạ Long (Theo Giấy ủy quyền số 627/VCB.HLO-UQ ngày 25/10/2021); có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 26, khu 2B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Hồng T, sinh năm 1969; vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Đỗ Thị Tr1, sinh năm 1978; có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Tổ 24B, khu 7, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

Bà Đỗ Thị Tr1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Hồng T (Theo Giấy ủy quyền ngày 19/10/2021)

- Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Số 03 Tr, phường Th, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh). Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hồng M - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Uông Bí (Theo Giấy ủy quyền số 796/UQ ngày 05/4/2021); vắng mặt tại phiên tòa.

- Văn phòng Công chứng H (Địa chỉ: Số 103, đường 25/4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh). Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L (Địa chỉ: Tổ 1, khu 4, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) - Công chứng viên Văn phòng công chứng Hưng Quảng; vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1946; có mặt tại phiên tòa.

- Ông Vũ Anh H3, sinh năm 1942; vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Phạm Mạnh C, sinh năm 1990; vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Tổ 25B, khu 7, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị Đặng Thu Trang, sinh năm 1999; vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Đặng Thu Vân, sinh năm 2002; vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Tổ 24B, khu 7, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Bà Nguyễn Thị H2 được ông Vũ Anh H3, anh Phạm Mạnh C, chị Đặng Thu Tr, chị Đặng Thu V ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án theo Văn bản ủy quyền ngày 12/8/2020 tại Văn phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

Kháng cáo:

1. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

2. Bị đơn bà Trần Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, những lời khai của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Ngày 11/07/2014, Ngân hàng TMCP N có ký với bà Trần Thị Thu H Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 22/14/BL/PMT, cụ thể như sau: Số tiền cho vay 2.600.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng này, mục đích vay bổ sung vốn lưu động hoạt động kinh doanh, lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm, ưu đãi lãi suất được áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên và được tự động điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Vietcombank Chi nhánh Hạ Long. Số tiền bà Trần Thị Thu H đã nhận nợ là 2.600.000.000 đồng theo chi tiết tại Giấy nhận nợ số 01 ngày 11/07/2014.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà Trần Thị Thu H tại Vietcombank Hạ Long gồm có:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng 87,7m² đất tại tổ 2, Khu 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BA 984543 do UBND thành phố Hạ Long cấp ngày 08/02/2010, số vào sổ CH00087 mang tên ông Lê Việt H5 và bà Đỗ Thị H4, theo Hợp đồng thế chấp số 25A/13/HĐTC/PAT ngày 27/06/2013, đã đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Hạ Long vào tháng 07/2013.

- Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng 117,8m² đất tại khu 1, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BD 999699, do UBND thành phố Uông Bí cấp ngày 01/08/2011, số vào sổ CH00325 mang tên ông Đặng Hồng T và bà Đỗ Thị Tr1, theo Hợp đồng thế chấp số 25B/13/HĐTC/PAT ngày 27/06/2013, đã đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Uông Bí vào tháng 07/2013.

- Tài sản thứ ba: 01 bất động sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 25C/13/HĐTC/PAT ngày 27/06/2013 với bên bảo đảm là ông Đặng Hồng T và bà Đỗ Thị Tr1. Cụ thể: Quyền sử dụng 33,95 m² đất tại tổ 24, khu 7, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P137558 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/04/2001, số vào sổ 676QSDĐ mang tên ông Đặng Hồng T, đã đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Uông Bí vào ngày 01/07/2013.

Ngân hàng đã có văn bản số 911/TB.HL ngày 24/07/2014 gửi gia đình ông Đặng Hồng T, bà Đỗ Thị Tr1 và bà Đỗ Thị H4 về việc Thông báo các tài sản bảo đảm của ông, bà tiếp tục bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 22/14/BL/PMT ngày 11/07/2014.

Tháng 08/2015, Vietcombank đã thực hiện khởi kiện bà Trần Thị Thu H tại Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long và vào ngày 13/10/2015, Tòa án đã thụ lý vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 45/2015/TLST-KDTM. Ngày 05/11/2015, gia đình ông T, bà Tr1 đã nộp số tiền là 823.000.000 đồng để trả nợ cho khoản vay của bà Trần Thị Thu H, đồng thời Vietcombank đã giải chấp tài sản là bất động sản tại khu 1, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cho gia đình ông T, bà Tr1. Nhận thấy bà Trần Thị Thu H và các bên có tài sản bảo đảm đã có tinh thần hợp tác trả nợ, đồng thời các bên có đơn xin thời gian để thu xếp trả nợ nên Vietcombank đã rút đơn khởi kiện và vào ngày 11/11/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 12/2015/QĐST-KDTM. Ngày 26/04/2016, bà Đỗ Thị H4 đã nộp số tiền là 958.181.000 đồng để trả nợ cho khoản vay của bà Trần Thị Thu H, đồng thời Vietcombank đã giải chấp tài sản là bất động sản tại tổ 2, khu 4, phường H, thành phố H, Quảng Ninh cho bà H4.

Sau khi các bên thực hiện rút 02/03 tài sản bảo đảm trên thì khách hàng và bên bảo đảm không có thiện chí trả nợ tiếp. Từ tháng 04/2016 cho đến nay đã hơn 05 năm nhưng các bên mới trả thêm cho Ngân hàng số tiền là 36.000.000 đồng (Trung bình trả 500.000 đồng/tháng). Đến thời điểm hiện tại, khoản vay của bà Trần Thị Thu H ngoài khoản nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh còn nợ gốc là 782.847.521 đồng. Vietcombank Hạ Long đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn

bản yêu cầu bà Trần Thị Thu H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 22/14/BL/PMT và giấy nhận nợ ngày 11/07/2014. Tuy nhiên, bà Trần Thị Thu H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Vietcombank, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Vietcombank, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Vietcombank, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Vietcombank.

Tại phiên tòa, Vietcombank yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày xét xử 11/8/2021 là 1.856.428.558 đồng (Một tỷ, tám trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 782.847.521 đồng (Bảy trăm tám mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi một đồng), nợ lãi trong hạn là 801.484.580 đồng (Tám trăm linh một triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi đồng) và nợ lãi quá hạn là 272.096.457 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng). Bà Trần Thị Thu H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 22/14/BL/PMT ngày 11/07/2014, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế bà Trần Thị Thu H trả hết nợ cho Vietcombank.

Quan điểm của Ngân hàng đối với yêu cầu độc lập của ông Đặng Hồng T: Hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đặng Hồng T. Vì tại thời điểm nhận thế chấp ngày 27/06/2013, ông Đặng Hồng T có vợ cũ là bà Vũ Việt H1 (bà Vũ Việt H1 mất đột ngột năm 2009), Vietcombank không biết và không được ông T và bà Tr1 thông tin gì về vấn đề này. Tài sản được mang thế chấp tại Ngân hàng rất nhiều lần nhưng đến năm 2015, ông Vũ Anh H3 và bà Nguyễn Thị H2 (là bố, mẹ của bà H1) mới có đơn khiếu nại gửi Ngân hàng, khi đã hết thời hiệu tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu. Ông T nêu lý do không hiểu biết pháp luật nên đã cho mượn tài sản để thế chấp cho khoản vay của bà H tại Ngân hàng là không có căn cứ, vì bản thân ông T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, Hợp đồng thế chấp trên đã được Văn phòng Công Chứng Hưng Quảng công chứng, Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND thành phố Uông Bí đăng ký thế chấp đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Do đó Vietcombank là bên nhận thế chấp ngay tình.

Vì vậy, nếu bà Trần Thị Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Vietcombank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 33,95 m² đất (Địa chỉ: Tổ 24, khu 7, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P137558 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/04/2001, số vào sổ 676/QSĐĐ mang tên ông Đặng Hồng T, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 25C/13/HĐTC/PAT ngày 27/06/2013 giữa Ngân hàng với bên bảo đảm ông Đặng Hồng T và bà Đỗ Thị Tr1, đã đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Uông Bí ngày 01/07/2013 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Vietcombank thì Vietcombank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị Thu H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn bà Trần Thị Thu H khẳng định và thừa nhận bà có vay của Ngân hàng TMCP N theo Hợp đồng tín dụng số 22/14/BL/PMT ngày 11/7/2014, giấy nhận nợ, các khoản nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng, tài sản thế chấp của ông T và bà Tr1 bảo đảm cho khoản vay của bà tại Ngân hàng, thời gian thanh toán nợ, số tài sản đã giải chấp và nợ hiện tại của bà đúng như đại diện Ngân hàng đã xác định trong đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay. Bà không đồng ý trả nợ vì bà không được cầm số tiền nào của Ngân hàng.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Đặng Hồng T, bà H có quan điểm như quan điểm của Ngân hàng là Hợp đồng thế chấp này có hiệu lực pháp luật và phải xử lý tài sản của ông Tuyên, bà Tr1 để Ngân hàng thu hồi nợ. Tại phiên tòa, bà H khai việc ký kết Hợp đồng thế chấp số 25C/13/HDTC/PAT ngày 27/06/2013 giữa Ngân hàng với ông Đặng Hồng T và bà Đỗ Thị Tr1 được thực hiện do bà mang hồ sơ cũng như Hợp đồng thế chấp trên lên Văn phòng Công chứng Ưông Bí (không nhớ tên cụ thể của Văn phòng công chứng này) cho ông Tuyên, bà Tr1 ký và bà cũng không biết công chứng viên Nguyễn Xuân Trường là ai.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Hồng T không đồng ý với việc xử lý tài sản mà ông và bà Tr1 đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, đồng thời ông vẫn giữ nguyên quan điểm trong đơn yêu cầu độc lập của ông với nội dung: Đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 25C/13/HDTC/PAT ngày 27/6/2013 giữa Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Hạ Long với ông Đặng Hồng T và bà Đỗ Thị Tr1 vô hiệu, buộc Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông T với lý do: Quyền sử dụng 33,95 m² đất và ngôi nhà 3 tầng trên đất (Địa chỉ: Tổ 24, khu 7, phường Q, thành phố U, Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P137558 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/04/2001, số vào sổ 676QSDĐ mang tên ông Đặng Hồng T là tài sản chung của ông và bà Vũ Việt H1 bởi có nguồn gốc do ông T, bà H1 nhận chuyển nhượng lại của bà Cao Thị Bí vào năm 1999 (bà H1 đã mất năm 2009). Do ông T không hiểu biết pháp luật nên đã cho mượn tài sản để thế chấp. Việc ông T thế chấp tài sản trên để đảm bảo cho khoản vay của bà Trần Thị Thu H tại Ngân hàng mà không được sự đồng ý của các hàng thừa kế thứ nhất của bà Vũ Việt H1 bao gồm: Bố, mẹ, con đẻ, con riêng. Ông T chưa bao giờ gặp mặt cán bộ Ngân hàng cũng như công chứng viên Nguyễn Xuân T1 và địa điểm ký Hợp đồng thế chấp ở thành phố U. Ngoài ra, cán bộ ngân hàng chưa bao giờ xuống thăm định tài sản thế chấp của gia đình ông.

- Bà Đỗ Thị Tr1 có quan điểm hợp đồng thế chấp trên vô hiệu và trình bày: Ngày 09/5/2012, ông Đặng Hồng T kết hôn với bà Đỗ Thị Tr1. Thời điểm này ông T đã có nhà 2,5 tầng xây trên diện tích đất 33,5m² mang tên ông Đặng Hồng T. Vào thời điểm năm 2012, em gái bà Tr1 là bà Đỗ Thu H4 có quen biết bà Trần Thị

Thu H. Bà H đã gọi cho bà Tr1 và ông T mang sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T ra Văn phòng Công chứng ở Ông Bí (bà không nhớ tên cụ thể của văn phòng) để làm thủ tục, ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 25C/12/HĐTC/PAT ngày 27/6/2013 để bảo đảm cho khoản vay nợ của bà H tại Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Hạ Long. Bà và ông T ký Hợp đồng thế chấp trước mặt một người là nữ giới, không biết công chứng viên Nguyễn Xuân T1 là ai. Bà và ông T không có liên quan gì đến số tiền bà H đã vay tại Ngân hàng, vì thời điểm đó giữa bà và ông T đã đăng ký kết hôn hợp pháp nên nghĩ đơn giản là vợ chồng, liên quan đến nhau nên bà ký vào Hợp đồng thế chấp trên.

- Bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Ông Đặng Hồng T và bà Vũ Việt H1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 33,5m² tại tổ 24, khu 7, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh từ bà Cao Thị B vào năm 1999. Vào năm 2007, ông T và bà H1 đã xây dựng 01 ngôi nhà 2,5 tầng trên thửa đất này. Năm 2009, con gái bà là chị H1 chết, không để lại di chúc. Quyền sử dụng 33,5m² đất và tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà H1, chưa được chia theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông H3, bà H2, các con chung của ông Tuyên, bà H1 và con riêng của bà H1 là anh Phạm Mạnh C không được biết việc ông T mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đi làm thủ tục thế chấp tại Ngân hàng TMCP N (tại thời điểm thế chấp tài sản anh Cường đã 22 - 23 tuổi). Đến năm 2015, vợ chồng bà và anh C mới biết sự việc này. Bà đã làm đơn khiếu nại gửi cho Ngân hàng. Bà không yêu cầu chia thừa kế mà có quan điểm hợp đồng thế chấp trên vô hiệu, Ngân hàng phải trả lại tài sản cho ông T và các đồng thừa kế của bà H1 vì hiện nay đất và nhà là nơi sinh sống duy nhất của các cháu.

- Văn phòng Công chứng Hưng Quảng có ý kiến: Trình tự, thủ tục công chứng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 25C/12/HĐTC/PAT ngày 27/6/2013 giữa Ngân hàng TMCP N với ông Đặng Hồng T và bà Đỗ Thị Tr1 của Văn phòng Công chứng Hưng Quảng là đúng quy định của Luật Công chứng và các quy định khác của pháp luật.

Tại thời điểm công chứng Hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp là quyền sử dụng 33,95 m² đất tại Địa chỉ: Tổ 24, khu 7, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P137558 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/04/2001, sổ vào sổ 676QSDĐ mang tên ông Đặng Hồng T là tài sản chung của vợ chồng ông Đặng Hồng T và bà Vũ Việt H1. Khi bà Vũ Việt H1 chết vào năm 2009, Văn phòng Công chứng Hưng Quảng không biết và cũng không thấy ông T đề cập về vấn đề này. Căn cứ trên hồ sơ, giấy tờ ông T cung cấp cho Văn phòng Công chứng Hưng Quảng để công chứng Hợp đồng thế chấp nêu trên chỉ có thông tin ông đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T và người vợ hiện tại là bà Đỗ Thị Tr1. Việc ông T không cung cấp thông tin về nguồn gốc đất là lỗi của ông T chứ không phải lỗi của Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Hạ Long và Văn phòng Công chứng Hưng Quảng. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 25C/12/HĐTC/PAT ngày 27/6/2013 được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Hưng Quảng là không bị vô hiệu.

- Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố U: UBND thành phố U đã tiến hành đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 33,95m² đất tại tổ 24, khu 7, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Hồng T vào ngày 02/4/2001 theo hướng dẫn tại Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm. Tại thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm, sau khi tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và thấy đã đầy đủ giấy tờ theo quy định của Nghị định số 83, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố U đã đăng ký giao dịch bảo đảm cho ông Đặng Hồng T, vì vậy UBND thành phố U ông Bí hoàn toàn không có lỗi trong việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản thế chấp. Hợp đồng thế chấp trên chỉ vô hiệu đối với phần quyền sử dụng đất của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Vũ Việt H1.

4. Tại hồ sơ của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cung cấp: Nguồn gốc Quyền sử dụng 33,95m² đất tại tổ 24B, khu 7, phường Q, thành phố U do ông Đặng Hồng T và bà Vũ Việt H1 nhận chuyển nhượng của bà Cao Thị B vào ngày 15/11/1999 có chứng thực của UBND thị xã U. Ngày 02/4/2001, UBND tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 33,95m² đất tại tổ 24, khu 7, phường Q, thị xã U, tỉnh Quảng Ninh cho ông Đặng Hồng T.

Bà Vũ Việt H1 kết hôn với ông Đặng Hồng T vào ngày 13/5/1998 tại UBND phường Q, thị xã U. Trước khi kết hôn với ông T bà H1 có một người con riêng tên là Phạm Mạnh C. Bà Vũ Việt H1 chết vào ngày 30/1/2009. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Vũ Việt H1 bao gồm: Bà Nguyễn Thị H2 - sinh năm 1946 (mẹ đẻ bà H1), ông Vũ Anh H3 - sinh năm 1942 (bố đẻ bà H1), anh Phạm Mạnh C - sinh năm 1990 (con riêng bà Hương), chị Đặng Thu T2 - sinh năm 1999 và chị Đặng Thu V - sinh 12/9/2002 (con đẻ của bà H1 và ông T). Ngày 09/5/2012, ông T kết hôn với bà Đỗ Thị Tr1.

Với nội dung trên, tại bản án kinh doanh tH1mại số: 09/2021/KDTM-ST ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N(Vietcombank).

- Buộc bà Trần Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền tính đến ngày 11/8/2021 là: 1.856.428.558 đồng (Một tỷ, tám trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 782.847.521 đồng (Bảy trăm tám mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi một đồng), nợ lãi trong hạn là 801.484.580 đồng (Tám trăm linh một triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi đồng) và nợ lãi quá hạn là 272.096.457 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 11/8/2021, bà Trần Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 22/14/BL/PMT ngày 11/07/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Vietcombank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị Thu H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

- Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 33,95 m² đất tại địa chỉ tổ 24, khu 7, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P137558 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/04/2001, số vào sổ 676QSDĐ mang tên ông Đặng Hồng T để thu hồi nợ nếu bà H không thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hồng T. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 25C/2013/HĐTC/PAT ngày 27/6/2013 vô hiệu. Buộc Vietcombank phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P137558 do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/04/2001, số vào sổ 676QSDĐ mang tên ông Đặng Hồng T đối với Quyền sử dụng 33,95 m² đất tại địa chỉ tổ 24, khu 7, phường Q, thành phố U tỉnh Quảng Ninh cho ông Đặng Hồng T.

3. Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Kháng cáo:

1. Nguyên đơn: Ngày 20/8/2021 Ngân hàng VCB kháng cáo một phần bản án với các nội dung:

- Yêu cầu hủy phần “chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- ông Đặng Hồng T. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 25C/2013/HĐTC/PAT ngày 27/6/2013 vô hiệu...”

- Tuyên: “nếu bà Trần Thị Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Vietcombank thông qua Vietcombank Hạ Long có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Đặng Hồng T và bà Đỗ Thị Tr1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 25C ngày 27/6/2013 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật”.

- Trường hợp hợp đồng thế chấp QSDĐ số 25C vô hiệu toàn bộ hoặc một phần, Vietcombank đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp vô hiệu.

2. Bị đơn: Ngày 23/8/2021 bà Trần Thị Thu H có đơn kháng cáo một phần bản án đối với phần Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 25C ngày 27/6/2013 vô hiệu. Đề nghị tuyên: hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực để ngân hàng có căn cứ xử lý tài sản trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo và bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng: Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán đã chấp hành đúng các Điều 285, 286, 294 Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3. Về kháng cáo của đương sự: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Vietcombank, thấy cần thiết phải hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 09 ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Thu H: Đề nghị cấp phúc thẩm tuyên: hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực để ngân hàng có căn cứ xử lý tài sản trả nợ cho ngân hàng.

Vì đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm để giải quyết lại đúng pháp luật, nên yêu cầu của bà H thấy không cần thiết phải xem xét.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Hủy một phần bản án sơ thẩm số 09 ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Vietcombank, bị đơn bà Trần Thị Thu H nằm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bản án kinh doanh tH1mại số 09/2021/KDTM-ST ngày 11/8/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đưa đầy đủ những người tham gia tố tụng. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Do bà Trần Thị Thu H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Vietcombank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bốn nội dung: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay bà Trần Thị Thu H; bên vay bà Trần Thị Thu H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án hoặc quyết định cho đến ngày thực tế bà H trả hết nợ cho Vietcombank; Xử lý tài sản thế chấp (nội dung khởi kiện xử lý tài sản thế chấp xem xét ở phần sau) và nội dung khởi kiện của nguyên đơn: Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì có

quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà H để thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử thấy: Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm chấp nhận hai yêu cầu gồm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, bên vay phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận từ ngày tiếp theo của ngày Toà án ra bản án hoặc quyết định cho đến ngày thực tế bà H trả hết nợ cho Vietcombank, là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn: Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà H để thu hồi nợ mà bản án sơ thẩm chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì yêu cầu này không thuộc thẩm quyền của Toà án, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này không có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này. Căn cứ khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử hủy bản án phần tuyên này và đình chỉ giải quyết.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phản tố yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp, cũng là nội dung kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Do có cùng nội dung kháng cáo, nên xem xét trong cùng nội dung. Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 11/7/2014, Ngân hàng TMCP N (Vietcombank) - Chi nhánh Hạ Long ký hợp đồng tín dụng số 22/14/BL/PMT cho bà Trần Thị Thu H vay tổng số tiền 2.600.000.000 đồng. Thời gian vay vốn là 12 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn 10%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay, gồm:

- Quyền sử dụng đất 87,7m² tại khu 4, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, mang tên ông Lê Việt H5 và bà Đỗ Thị H4;
- Quyền sử dụng đất 117,8m² tại khu 1, phường Y, thành phố U, mang tên ông Đặng Hồng T và bà Đỗ Thị Tr1;
- Quyền sử dụng 33,95m² tại tổ 24, khu 7, phường Q, thành phố U cấp cho ông bà Đặng Hồng T.

Ngày 05/11/2015, ông T, bà Tr1 đã nộp 823.000.000đ để trả nợ cho khoản vay của bà H, nên Vietcombank đã giải chấp tài sản thế chấp là 01 quyền sử dụng đất 117,8 m² tại khu 1, phường Y, thành phố U.

Ngày 26/4/2016, bà Đỗ Thị H4 đã nộp 958.181.000đ, để trả nợ khoản vay của bà H, nên Vietcombank đã giải chấp tài sản thế chấp là 01 quyền sử dụng đất 87,7m² tại khu 4, phường H, thành phố H.

Còn lại hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng 33,95m² tại tổ 24, khu 7, phường Q, thành phố U (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 25C/13/HDTG/PAT ngày 27/6/2013 với bên bảo đảm là ông Đặng Hồng T và bà Đỗ Thị Tr1). Để chứng minh hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực hay không phải căn cứ nguồn gốc đất, sử dụng và quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thế chấp của ông T và bà Tr1. Hội đồng xét xử thấy:

Quyền sử dụng 33,95m² tại tổ 24, khu 7, phường Q, thành phố U do ông T và bà Vũ Việt H1 nhận chuyển nhượng của bà Cao Thị B năm 1999, nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của ông T và bà Vũ Việt H1. Sau khi nhận chuyển nhượng đã xây dựng ngôi nhà 2,5 tầng trên đất. Ngày 02/4/2001, UBND tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sử dụng diện tích 33,95m² mang tên ông Đặng Hồng T. Như vậy, tài sản trên thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông T và bà H1 theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 và tại khoản 1 Điều 223 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Năm 2009, bà H1 chết không để lại di chúc, nên phần tài sản của bà H1 trở thành di sản thừa kế được phân chia theo pháp luật. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông, bà Vũ Anh H3, Nguyễn Thị H2 là bố mẹ đẻ, anh Phạm Văn C là con riêng, các chị Đặng Thu Tr và Đặng Thu V là hai con chung của ông T với bà H1- Theo quy định tại Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005, người thừa kế theo pháp luật:

1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

...

Ngày 09/5/2012, ông T kết hôn với bà Tr1, sau đó bà Tr1 về sinh sống tại nhà đất trên, từ năm 2012, ông T và bà Tr1 đã dùng quyền sử dụng đất thế chấp cho nhiều Ngân hàng trong đó ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 25C ngày 27/6/2013 để đảm bảo khoản vay của bà H khi chưa có các đồng thừa kế của bà H1 ký nhận, ông T đã tự ý định đoạt tài sản chung của vợ chồng, không có sự thống nhất của những người thừa kế theo pháp luật của bà H1 là trái quy định tại điểm b khoản 1 Điều 122, Điều 216, khoản 1, 2 Điều 223 Bộ luật Dân sự 2005. Nên Hợp đồng thế chấp số 25C ngày 27/6/2013 có hiệu lực đối với phần thế chấp của ông T và vô hiệu một phần đối với quyền sử dụng đất của hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 (bà H2, ông H3, anh C, chị Tr, chị V) theo quy định tại Điều 135 Bộ luật Dân sự 2005. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2021/KDTM-ST ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long tuyên hợp đồng thế chấp trên vô hiệu toàn bộ và xác định lỗi cả hai bên, là không đúng pháp luật.

- Giải quyết hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu: Tại Văn bản số 1712 ngày 17/12/20120 của Ngân hàng về việc ý kiến đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thể hiện quan điểm: Trong trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu toàn bộ hoặc một phần, đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp vô hiệu...; biên bản làm việc ngày 19/3/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã giải thích hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Đại diện Ngân hàng Vietcombank có quan điểm nếu hợp đồng thế chấp vô hiệu thì đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp vô hiệu. Cũng tại biên bản hòa giải ngày 09/4/2021, đại diện Ngân hàng cũng đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp vô hiệu, làm rõ trách nhiệm của các bên...

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng không thể hiện quan điểm về việc yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp vô hiệu, vì vậy Tòa án sơ thẩm chỉ xem xét như Ngân hàng trình bày tại phiên tòa để nhận định hợp đồng thế chấp vô hiệu, không giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, để Ngân hàng và các đương sự khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác là chưa xem xét khách quan, toàn diện vụ án. Từ đó dẫn đến giải quyết vụ án không triệt để.

Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Vietcombank và bị đơn bà H, hủy một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2021/ KDTM-ST ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có căn cứ chấp nhận.

[6] Tiền tạm ứng án phí của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Đối với tiền tạm ứng án phí của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hồng T đã nộp được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

- Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 244, khoản 3,4 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Chấp nhận kháng cáo của nguyên, bị đơn: Hủy một phần bản án và hủy, đình chỉ phần quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2021/ KDTM-ST ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010; Điều 33 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 122, Điều 127, Điều 128, khoản 2 Điều 223, Điều 137, Điều 219, điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 41 Luật Công chứng 2006; khoản 2 Điều 24, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N (Vietcombank).

- Buộc bà Trần Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền tính đến ngày 11/8/2021 là: 1.856.428.558 đồng (Một tỷ, tám trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 782.847.521 đồng (Bảy trăm tám mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi bảy

ngàn, năm trăm hai mươi một đồng), nợ lãi trong hạn là 801.484.580 đồng (Tám trăm linh một triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi đồng) và nợ lãi quá hạn là 272.096.457 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 11/8/2021, bà Trần Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 22/14/BL/PMT ngày 11/07/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Hủy phần xử lý tài sản thế chấp. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

3. Hủy và đình chỉ phần quyết định của bản án: Vietcombank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Trần Thị Thu H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N và bị đơn bà Trần Thị Thu H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003904 ngày 26/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long; trả lại bị đơn bà Trần Thị Thu H 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003915 ngày 09/9/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

5. Tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ, của ông Đặng Hồng T nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002962 ngày 19/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long được quyết định khi giải quyết lại bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố Hạ Long;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- THA dân sự thành phố Hạ Long;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng

